

CỘNG ĐỒNG ISLAM VIỆT NAM - SỰ HÌNH THÀNH, HOÀ NHẬP, GIAO LƯU VÀ PHÁT TRIỂN

PHÚ VĂN HẸN^(*)

Islam là một trong các tôn giáo lớn trên thế giới. Islam ra đời trên bán đảo Arập vào đầu thế kỉ VII (sau CN)⁽¹⁾, từ đó lan rộng trên phạm vi toàn thế giới, đến Đông Nam Á và Việt Nam.

Gần đây, khi nghiên cứu về Islam ở Việt Nam, nhiều nhà khoa học gần thống nhất với nhau về sự có mặt của Islam tại Việt Nam và Đông Nam Á vào khoảng thế kỉ IX. Sự hình thành và phát triển Islam ở Việt Nam vào buổi ban đầu liên quan đến cư dân thuộc Vương quốc Chămpa cổ kéo dài từ thế kỉ II đến thế kỉ XVII sau CN (ý kiến khác cho rằng kéo dài đến năm 1883 - Manguin, 1979) trên mảnh đất từ vĩ tuyến 18 ở phía Bắc đến sông Đồng Nai (phía Nam) bao gồm khu vực ven biển miền Trung, và Tây Nguyên (nam Việt Nam). Cư dân Chămpa xưa chịu ảnh hưởng trực tiếp văn hóa Ấn Độ như nhiều quốc gia Đông Nam Á khác. Trong quá trình phát triển, cư dân Chămpa còn ảnh hưởng bởi những yếu tố văn hóa Việt Nam, Trung Quốc, thế giới Malay (Indonesia, Malaysia), Khmer và những yếu tố bản địa. Trong quá trình hình thành và phát triển của mình, Chămpa cổ liên tục có chiến tranh, với Vương quốc Khmer xưa, với phong kiến Đại Việt xưa và đã cùng Khmer, Đại Việt nổi dậy chống Thực dân Pháp ở Việt Nam và Đông Dương. Sau này, khi sáp nhập hoàn toàn vào Việt

Nam, con cháu cư dân Chămpa xưa tiếp tục cùng tham gia chiến đấu chống Mỹ - Ngụy ở miền Nam Việt Nam, góp phần giành độc lập, hoà bình và thống nhất đất nước vào 30 tháng 4 năm 1975.

Việt Nam có nhiều tôn giáo, có những tôn giáo từ nước ngoài du nhập vào như Phật giáo (từ Ấn Độ), Công giáo, Tin Lành (từ phương Tây), Nho giáo, Đạo giáo (từ Trung Quốc), Islam (từ bán đảo Arập). Bên cạnh đó có tôn giáo được hình thành từ một bộ phận nhân dân Việt Nam như Cao Đài, Hoà Hảo,... tất cả các tôn giáo ở Việt Nam đều được Nhà nước Việt Nam tôn trọng, bảo đảm đầy đủ quyền tự do tín ngưỡng, và tạo điều kiện cho các tôn giáo có điều kiện thực hiện các sinh hoạt tín ngưỡng của mình.

Ở Việt Nam người Islam Việt Nam không đồng so với tín đồ các tôn giáo khác. Hầu hết người theo Islam ở Việt Nam hiện nay đều là người Chăm. Theo thống kê của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam vào ngày 01/04/1989, người Chăm Islam có khoảng 52.000 người. Ngoài người Chăm Islam là đa số, còn có một số ít người Việt

*. Nhà nghiên cứu, Trung tâm Nghiên cứu quốc tế và khu vực, Viện KHXH tại Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Theo quan niệm của người Islam Việt Nam hiện nay, Islam là một tôn giáo đã có mặt tại Việt Nam từ lâu đời.

và một số cư dân thuộc các dân tộc khác như người gốc Ấn Độ (India), người gốc Melayu (hay còn gọi là người Mã Lai, người Chà Và, Indonesia, Malaysia ở Việt Nam) theo đạo Islam. Theo thống kê của chúng tôi, hiện nay (1998), người Islam đã tăng hơn rất nhiều so với năm 1989⁽²⁾.

Sự hình thành Islam ở Việt Nam

S.Q. Rtim (Báo cáo khoa học năm 1963) trong nghiên cứu Islam Champa đã lưu ý: “Nguồn tư liệu của Ba Tư và Arập cho biết rằng, đã có những người Islam định cư ở trung tâm đô thị Champa trong thế kỉ VIII”, Maspero (1951) và Ravesse (1922) dựa vào câu viết Arập trong nguyên bản Kufi có niên đại 1025, 1035, 1039 (SCN), đã gọi ra rằng cộng đồng Islam không chỉ bao gồm những thương gia mà cả thợ thủ công, học giả, lãnh đạo tôn giáo và những thợ lành nghề khác. Cabaton (1928) đã chỉ ra một ghi chép sớm từ năm 1036, trong những mô tả của người Chăm, một người Islam đã trị vì đến tận Sri Banoy (tức Sri Banui - Kinh đô Champa cũ) đã thực hiện chuyến hành hương đến Mecca.

Báo cáo này (của chúng tôi) không khẳng định Islam đã tồn tại ở Việt Nam (Champa xưa) ngay vào thế kỉ VIII hoặc các thời gian sau đó. Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận sự có mặt của những người Islam Ba Tư, Arập... đến Champa vào thời điểm này ít nhiều có ảnh hưởng (Islam) vào cư dân Champa. Sau chiến thắng của Đại Việt năm 1471, cư dân Champa xưa đã lánh nạn sang Melaka, Sumatra, Java và Campuchia. Thời kì này Islam hóa diễn ra rất mạnh trong cộng đồng thuộc nhóm ngôn ngữ gốc Malayo - Polenésien (thế giới Mã Lai - Đa Đảo), tinh thần Islam giáo khá thành công ở Malaysia, Indonesia. Vương quốc Islam đầu tiên ra đời ở Melaka (nay là bang Melaka, Malaysia) vào cuối thế kỉ XIV và đầu XV và sau đó đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến toàn

bán đảo Mã Lai và các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Cư dân Champa tuy thất bại trước Đại Việt về quân sự vào năm 1471, nhưng đời sống văn hóa Champa vẫn tiếp tục phát triển kéo dài tới 1883 (báo cáo của Maguin, 1979). Giai đoạn này, sự thay đổi tín ngưỡng đã diễn ra trong người Chăm. Một bộ phận theo đạo Phật, Bà La Môn... trước đó của cư dân Champa đã dần dần thay thế bởi Islam. Những cư dân chạy sang Campuchia nay đã là cư dân Chăm Islam (hoặc Champa Islam)⁽³⁾ và trở thành một thành phần dân tộc của nhà nước Campuchia. Cư dân Chăm Islam ở mảnh đất quê hương mình trở thành thành viên trong cộng đồng dân tộc của Việt Nam. Riêng số cư dân Champa chạy sang các quốc gia còn lại, do có cùng chung gốc ngôn ngữ, văn hóa và tín ngưỡng nên đã hòa nhập vào cộng đồng các cư dân thuộc chủng tộc gốc Melayu (Thế giới Mã Lai) theo Islam.

Người Islam Việt Nam và sự hoà nhập vào cộng đồng dân tộc Việt Nam

Hiện nay, người Islam Việt Nam cư trú khá tập trung trong các Palei bên cạnh các Masjid (Thánh đường) hoặc Surau (Tiểu Thánh đường). Theo số liệu của chúng tôi, đến nay (1998) tại Việt Nam có hơn 60 Thánh đường và Tiểu Thánh đường: Hà Nội: 1; Hải Phòng: 1; Khánh Hoà: 1; Ninh Thuận và Bình Thuận: 23 (19 của Bani và 4

2. An Giang: 30.000 (số liệu UBND tỉnh An Giang); Thành phố Hồ Chí Minh: 5.100 (Ban Đại diện CĐHG TP HCM); Tây Ninh: 3.000 (Sở KHCN Tây Ninh); Đồng Nai: 3.000; Ninh Thuận, Bình Thuận và Khánh Hòa: 30.000 Bani + 5.000 Islam; Ngoài ra người Islam còn ở Bình Phước, Bình Dương (1.000); Trà Vinh, Cần Thơ, Minh Hải, Long An, Tiền Giang, Kiên Giang...

3. Cuối thế kỉ XVIII và đầu XIX, một bộ phận Chăm Islam ở đây đến lập nghiệp tại An Giang và Tây Ninh, sau đó di cư đến Tp. HCM, Đồng Nai, Bình Phước và một số nơi khác.

cái mới của Islam); Đồng Nai: 3; Bình Phước: 1; Bình Dương: 1; Tây Ninh: 5; Thành phố Hồ Chí Minh: 16; Long An: 1; Tiền Giang: 1; Cần Thơ: 1; Trà Vinh: 1; số còn lại tập trung tại An Giang. Ban đầu, hầu hết các Thánh đường và Tiểu thánh đường đều xây dựng bằng gỗ, lợp lá, tường bằng ván tre, vách đất. Trước năm 1975, nhiều Thánh đường và Tiểu Thánh đường đã được xây dựng lại bằng xi măng (bê tông). Sau năm 1975 và đặc biệt là trong những năm gần đây, kinh tế Việt Nam khá hơn trước và nhờ có chính sách đổi mới, ngoài sự đóng góp của người Islam trong nước, sự quan tâm và giúp đỡ của chính phủ Việt Nam ở các cấp còn có cả sự đóng góp tài chính của người Islam anh em ở nước ngoài, đặc biệt là sự giúp đỡ khá thường xuyên của các cá nhân và các tổ chức Islam các quốc gia Đông Nam Á, nên nhiều Thánh đường và Tiểu Thánh đường Việt Nam đã được tu sửa khang trang hơn. Có Thánh đường đã được Bộ Văn hóa Việt Nam công nhận là di tích kiến trúc văn hóa - lịch sử (Thánh đường Mubarak ở Châu Giang, Phú Tân, An Giang).

Thánh đường là nơi để cho người Islam Việt Nam đến cầu nguyện và nhắc nhở nhau thực hiện đầy đủ 5 nền tảng quan trọng của Islam như:

1. *Bày tỏ lòng tin tưởng (Shahada) vào Allah và Mohamad là rosul (sứ giả).*
2. *Cầu nguyện Sambahyang (Salat) mỗi ngày 5 lần*
3. *Nhịn chay Ốk (puasa) Ramadan (tháng 9 Hồi lịch)*
4. *Bố thí Zakat làm việc thiện (vào dịp Ramadan)*
5. *Hành hương đến Mecca làm lễ Haji (ít nhất 1 lần trong đời).*

Thánh đường (và Tiểu Thánh đường) còn là trung tâm sinh hoạt truyền thống vừa

mang tính Islam vừa mang tính xã hội của cộng đồng Islam. Các lễ cưới, lễ tang và các buổi sinh hoạt của cộng đồng đều tổ chức ngay tại Thánh đường. Thánh đường là nơi sinh hoạt tinh thần của các thành viên trong cùng một Jumaah. Mỗi Jumaah chọn ra một ban đại diện (Ban quản trị thánh đường), đứng đầu là một ông Hakim. Hakim luôn là người có nhiều hiểu biết về Islam, có uy tín, có sức khoẻ và điều kiện về trí thức để điều hành cộng đồng Jumaah.

Trong khuôn viên hoặc bên cạnh Thánh đường đều có một trường học hoặc là phòng để học giáo lí Islam. Có nơi dùng ngay Thánh đường để dạy học và hướng dẫn giáo lí Islam. Ở đây, người Islam chủ yếu được học và dạy chữ Arập để đọc kinh Côran, học giáo lí Islam đủ để hiểu luật Islam và cầu nguyện (Salat). Do hầu hết người Islam Việt Nam có quan hệ thường xuyên với người nói ngôn ngữ Melayu ở Đông Nam Á nên nhiều trí thức Islam đã học tiếng Melayu, dùng chữ Jawi (loại chữ Arập nhưng được người Melayu ở Malaysia và Indonesia dùng xây dựng chữ viết và sử dụng trước 1945) để xây dựng chữ Chăm Melayu (rất thông dụng đối với người Chăm Islam ở Nam Bộ). Vì thế, nhiều người Islam Việt Nam có thể đọc được kinh Côran, đọc được tiếng Jawi của Malaysia, Indonesia để hiểu thêm về Islam. Ngoài ra, cộng đồng Islam ở Việt Nam còn phải học tiếng Việt. Tiếng Việt ngày nay không chỉ giúp người Islam Việt Nam (đa số nói tiếng Chăm), giao tiếp ở Việt Nam (quốc ngữ), tìm hiểu Islam và các hoạt động liên quan đến mọi mặt trong cuộc sống (thông qua tiếng Việt) mà còn góp phần rất quan trọng trong quá trình Islam hoà nhập vào Việt Nam và tiếp cận với văn minh của nhân loại.

Hiện nay, tín ngưỡng Islam Việt Nam dựa trên nền tảng hệ tín ngưỡng Islam chủ yếu của hệ Sunnah (Shafi'i). Trong lịch sử phát triển của mình, Islam Việt Nam đã

hình thành hai bộ phận chính mà chúng tôi thường gọi là Islam và Bani (tạm chia theo cách gọi của cộng đồng Islam Việt Nam).

Bani là một bộ phận Islam xưa, do nguyên nhân lịch sử, bộ phận này không có điều kiện tiếp xúc với người Islam trong khu vực Đông Nam Á như bộ phận Islam ở Nam Bộ và Campuchia luôn có quan hệ với người Arập, Malaysia, Indonesia... nên đã hình thành một bản sắc riêng trong tôn giáo Islam ở Việt Nam. Hầu hết các làng Bani cư trú đều có Thanggik (hoặc Samgik - tức là Masjid). Kiểu cách kiến trúc Masjid của Bani có nhiều nét tương tự như Masjid Islam. Do có quan hệ thân tộc cùng với người Chăm trong lịch sử và là thành viên của cư dân Chăm-pa xưa nên bộ phận này còn mang đậm nét văn hóa truyền thống của Chăm-pa, nhất là với dân tộc Chăm (ở Ninh Thuận và Bình Thuận ngày nay). Tuy nhiên, cộng đồng Bani, trong ghi nhận của chúng tôi, không phải là một tôn giáo hoàn toàn độc lập so với Islam bởi vì người Bani Việt Nam cũng tôn thờ đấng Allah (Auloh); giới chức sắc Bani như Imun (tức Iman), Katip, Achar... là các tu sĩ Bani thường xuyên lui tới cầu nguyện tại thánh đường (Masjid - Thanggik), thực hiện nghĩa vụ tháng Ramandan, làm việc thiện Zakat. Riêng việc đi đến Mecca để làm Haji đối với họ chỉ là trong mơ vì họ cho rằng Mecca là xứ sở rất xa xôi chỉ có người nào nhìn thấy cái trán của mình mới có thể đi đến nơi. Ngoài ra, Kinh Ku'ur (tức Kinh Côran) ghi bằng chữ Arập cổ, không đầy đủ như nội dung Côran hiện nay, đôi lúc trong kinh Kur'ur của Bani còn xen cả ngôn ngữ Chăm (cổ) và nhiều người Bani ngày nay không hiểu hết nội dung của nó, song các chức sắc Bani và người Bani Việt Nam luôn xem đó là khuôn khổ, là phép tắc của tôn giáo mình. Từ những làng Bani xưa ở Ninh Thuận và Bình Thuận, đã có nhiều người trở thành Islam và hình thành các Jumaah Islam. Hiện nay đã

có 4 Jumaah được hình thành và xây dựng tại các Jamaah đó 4 Majid bên cạnh 7 Thánh đường Bani (Thanggik ở Ninh Thuận).

Trong quá trình phát triển của mình, Islam Việt Nam không phải hoàn toàn cô lập với thế giới Islam. Đặc biệt là sự quan hệ thường xuyên giữa Islam Việt Nam (Châu Đốc, An Giang) với Islam ở Campuchia và Indonesia, Malaysia, Thái Lan... Ngoài ra, một số chức sắc Islam còn đi đến Trung Đông để tìm hiểu Islam và trở về hướng dẫn, uốn nắn tín ngưỡng cho cộng đồng Islam của mình.

Báo cáo của Delvert năm 1990 cho biết, năm 1940 đã có trên 500 vị là người Chăm đã hành hương đến Mecca để làm Haji. Vào những năm 60 có khoảng 50 người đàn ông đã tới Mecca. Đến năm 1988, (theo ước lượng của Kiernan), có khoảng trên 1000 Haji ở Campuchia. Riêng ở Việt Nam, hiện nay chúng tôi chưa tìm được một cách đầy đủ và liên tục (hàng năm) việc đi hành hương Haji của người Islam Việt Nam đến Mecca, song có thể thấy rằng, trước thế chiến thứ II, đã có người Việt Nam đến Mecca, năm 1936: 7 người, 1965: 11 người, 1966: 4 người, 1967: 77 người,... Sau khi kết thúc chiến tranh (30.4.1975), đặc biệt từ khi Việt Nam đổi mới, chỉ tính từ năm 1995 đến nay, người Islam Việt Nam có điều kiện đi đến Mecca làm Haji ngày càng đông, cụ thể: 1998: 53 vị, riêng Thành phố Hồ Chí Minh: 23 vị, 1997: 35 vị, riêng Thành phố Hồ Chí Minh: 24 vị, 1996: riêng Thành phố Hồ Chí Minh: 14 vị, 1995: 7 vị ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại miền Nam Việt Nam trước giải phóng, Hiệp hội Chăm Hồi giáo Việt Nam đã thành lập năm 1961, đứng đầu là một ông chủ tịch. Bên cạnh đó còn có Hội đồng giáo cả được thành lập để thống nhất việc hướng dẫn giáo lý Islam cho người Chăm

Islam Việt Nam, đứng đầu Hội đồng này là ông chủ tịch (Mufti). Ngoài ra, cộng đồng Islam người Ấn đã thành lập Hiệp hội Hồi giáo Ấn kiều Nam Kỳ (Congrégation des Musulmaus de Cochinchine) và cộng đồng Islam người Indonesia và Malaysia thành lập *Association of Mosque Islam*, còn gọi là Hiệp hội Hồi giáo tình thương (Rahim). Đây là các tổ chức Islam nhằm bảo vệ quyền lợi của Islam cho các cộng đồng của mình và các tổ chức đó đã kết thúc hoạt động cùng lúc với sự sụp đổ chính quyền Sài Gòn vào 30/4/1975.

Sau 1975, người Islam thành lập các Ban Quản trị Islam tại các Jumaah mà người đứng đầu là một vị Hakim. Các ông Hakim là những người trực tiếp điều khiển tín ngưỡng tại Jumaah của mình. Nhiều ông Hakim đồng thời là đại biểu của người Chăm Islam trong các cơ quan đoàn thể địa phương. Tại tỉnh An Giang, người Chăm đã từng được đề cử làm Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc tỉnh. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo thành phố Hồ Chí Minh đã được thành lập từ năm 1992 (mà tiền thân của nó là ban Quản lý Tài chánh Hồi giáo Thành phố Hồ Chí Minh thành lập ngày 3/4/1988). Ban đại diện này đã hoạt động rất có hiệu quả trong việc bảo vệ tín ngưỡng Islam và phối hợp với chính quyền chăm lo mọi mặt thuộc về tôn giáo, đời sống và xã hội cho cộng đồng Islam.

Cộng đồng Islam ở Việt Nam hội nhập vào cộng đồng các dân tộc Việt Nam theo một quá trình lịch sử hết sức phức tạp. Cùng với sự hình thành và phát triển Islam ở Việt Nam, người Islam đã chịu ảnh hưởng rất lớn bởi sự suy vong của nhà nước Champa (cổ), sự tác động của nhiều nền văn hóa lớn như phải chấp nhận thử thách với các nền văn hóa Ấn Độ, văn hóa Trung Hoa, văn hóa Việt Nam, văn hóa Khmer, văn hóa dân tộc Chăm truyền thống xưa (yếu tố Bà La Môn

và đa thần giáo) và truyền thống thế giới Mã Lai - Đa Đảo. Chính các yếu tố đó đã hình thành trong cộng đồng Islam Việt Nam bản sắc văn hóa vừa mang bản chất Islam truyền thống gắn với tính thống nhất của thế giới vừa mang đặc điểm Islam rất Việt Nam. Trong quá trình phát triển của mình, cộng đồng Islam Việt Nam đã trải qua một cuộc sống chung rất lâu dài với các dân tộc khác ở Việt Nam, bản sắc văn hóa Islam Việt Nam mà cụ thể là văn hóa dân tộc Chăm (tín đồ Islam đa số) vốn có nét tương đồng với nhiều dân tộc ở Việt Nam. Chính các yếu tố đó đã giúp cho cộng đồng Islam Việt Nam sớm hoà nhập và hoà nhập một cách thuận lợi vào cộng đồng các dân tộc Việt Nam, hoà nhập và phát triển bền vững cùng với sự phát triển của đất nước Việt Nam.

Giao lưu với Đông Nam Á và bước vào thế kỉ XXI

Như đã trình bày ở trên, cộng đồng Islam ở Việt Nam thường xuyên có những quan hệ với cộng đồng Islam trong khu vực Đông Nam Á. Do nguyên nhân lịch sử, tùy từng lúc, từng nơi mà mối quan hệ giữa cộng đồng Islam ở Việt Nam với Islam trong khu vực thể hiện đậm nhạt khác nhau. Điểm nổi bật cho thấy mối quan hệ giữa cộng đồng Islam Việt Nam luôn đặt quyền lợi Islam của Việt Nam là trên hết (theo tinh thần tôn trọng truyền thống và Hiến Pháp Việt Nam). Đặc biệt mối quan hệ gần gũi giữa cộng đồng Islam ở Việt Nam với người Islam thuộc nhóm Mã Lai - Đa đảo là chủ yếu (nhất là cư dân Malaysia và Indonesia) thường xuyên nhất và thân mật nhất.

Việt Nam đã kết thúc chiến tranh (từ 30/4/1975), lập lại hoà bình, chính thức gia nhập ASEAN ngày 28/07/1995 và ngày càng tăng cường sự hoà nhập nhiều mặt của mình vào khu vực, Đông Nam Á và quốc tế. Cộng đồng Islam Việt Nam ngày nay có cơ

hội hơn trong việc tăng cường sự tiếp xúc của mình với các cá nhân và các tổ chức Islam trong khu vực, Đông Nam Á và thế giới. Cùng với sự phát triển của Việt Nam, cộng đồng Islam cũng đang bắt đầu phát triển nhiều mặt.

Từ khi thống nhất đến nay, tại Việt Nam không xảy ra mâu thuẫn nào giữa chính phủ Việt Nam và cộng đồng Islam Việt Nam, không có sự tranh chấp nào trong nội bộ Islam Việt Nam, giữa cộng đồng Islam Việt Nam với cộng đồng dân tộc hoặc các tôn giáo khác ở Việt Nam như là một truyền thống tốt đẹp vốn có của nhân dân Việt Nam.

Người Islam được thừa hưởng quyền lợi từ chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam (Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam, năm 1992, điều 70 nêu rõ: *“Công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo, theo và không theo một tôn giáo nào, các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật...”*). Trong Chỉ thị số 121 - CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (Hà Nội ngày 12/5/1982) khẳng định sự đặc biệt quan tâm đến người Islam hoà nhập và phát triển⁽⁴⁾.

Do vậy, cộng đồng Islam Việt Nam phải nỗ lực nhiều hơn nữa để tự vươn lên và phát triển mọi mặt. Với chính sách ưu việt của chính phủ Việt Nam, với tinh thần tương thân tương trợ vốn có của cộng đồng Islam tại Việt Nam, ở Đông Nam Á, Islam Việt Nam có điều kiện tu sửa một số Thánh đường và Tiểu Thánh đường khang trang hơn. Người Islam Việt Nam được liên tục (từ năm 1995 đến nay) tham dự “Liên hoan xướng kinh Côran quốc tế” tổ chức hàng năm tại Kuala Lumpur, Malaysia. Hiện có hơn 20 thanh niên Islam Việt Nam được cấp học bổng du học tại một số nước trong khu

vực Đông Nam Á (tại Malaysia có 15 sinh viên Islam Việt Nam theo học tại Universiti Islam AntArâpangsa, tại Indonesia có 5 sinh viên theo học tại Bogor University và Mada Gadjah University, tại Thái Lan có vài người học tại các trường ở miền nam Thái Lan). Đó là chưa tính có tới khoảng 100 sinh viên Islam đang theo học tại các trường Đại học và Trung học chuyên nghiệp tại Việt Nam (hưởng chế độ ưu tiên của Nhà nước Việt Nam), có người Islam Việt Nam đã và đang được Nhà nước tạo điều kiện để đạt tới học vị tiến sĩ.

Về sự tồn tại và phát triển của cộng đồng Islam Việt Nam trong tương lai, hướng vào thế kỉ XXI, qua thực tế Việt Nam cho thấy rằng, cộng đồng Islam của mỗi địa phương cần tự tìm cho mình những thuận lợi để hoà nhập vào cộng đồng xã hội, phải tôn trọng và đóng góp tích cực vì mục đích chung của quốc gia, tranh thủ mọi khả năng để đóng góp vào sự tồn tại và phát triển cộng đồng Islam Việt Nam và nhận được sự giúp đỡ nhiều hơn của cộng đồng Islam anh em mà trước hết là cộng đồng Islam trong khu vực Đông Nam Á, bảo vệ truyền thống Islam, phát triển theo kịp sự tiến bộ của khoa học kĩ thuật hiện đại. Phấn đấu tối đa về nhận thức để cộng đồng Islam không lâm vào tình trạng tụt hậu hoặc cực đoan trước sự phát triển cực nhanh của thời đại công nghệ và tiến bộ khoa học trên thế giới ngày nay, cùng cộng đồng các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam vững bước vào thế kỉ XXI./.

4. Nhân đây lấy Cộng đồng Islam Thành phố Hồ Chí Minh làm ví dụ: người Islam được phép lập BÐD CÐHG; được đi viếng Mecca (làm Haji) ngày càng nhiều (1998: 23/52 người Việt Nam); 20 sinh viên du học tại Malaysia, Indonesia, tham dự liên hoan đọc kinh Côran quốc tế tại Malaysia (từ năm 1996)...